TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó Chủ tịch Hội liên Hiệp Phụ nữ thành phố B.
Ông Võ Văn Phi – Trưởng ban Quản lý chợ Tân Hiệp.
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2223/2021/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Đăng Q**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ 35, khu phố 4B, phường T, thành phố B,tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ 35, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Q và bà T đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lê Đăng Q trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/01/2015; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều

lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của ông với bà T cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung là cháu Lê Thụy Tố N, sinh ngày 08/06/2015. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của ông Q về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh sau đó. Nay bà xét thấy tình cảm của bà với ông Q cũng không còn, cả hai cũng không thể sống chung được với nhau nữa. Do đó, nay ông Q xin ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Lê Thụy Tố N, sinh ngày 08/06/2015. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N. Không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà và ông Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Đăng Q nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989, có địa chỉ cư trú tại Tổ 35, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bà Nguyễn Thị T cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; Ông Lê Đăng Q sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt ông Q và bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông Lê Đăng Q khai thì ông và bà T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/01/2015; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, do tính

tình không hợp, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Lời trình bày này của ông Q cũng được bà T thừa nhận tại bản tự khai của bà T, đồng thời bà T cũng thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông Q – bà T không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc ông Lê Đăng Q xin ly hôn với bà Nguyễn Thanh T là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Lê Thụy Tố N, sinh ngày 08/06/2015. Ly hôn, ông, bà thống nhất giao cháu N cho bà Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của ông Q và bà T.

Về cấp dưỡng: Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Lê Đăng Q phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng Q. Ông Lê Đăng Q được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao Lê Thụy Tố N, sinh ngày 08/06/2015 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông Lê Đăng Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Đăng Q phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000789 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đăng Q và bà Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**